CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP B.C.H

Ngày 31/12/2025	13,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	12.1%	**41.8%**	**24.1%**

DT thuần
Q4/25
1,879
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 40.0| 2.2%
YoY: ▲ 600| 46.9%

LN thuần
Q4/25
12.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.20| 21.2%
YoY: ▲ 51.2| 133%

LN sau thuế
Q4/25
23.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 29.6| 469%
YoY: ▲ 61.3| 161%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
1.7%
YoY: +/-▼ 0.0%

ROE
2025
1.5%
YoY: +/-▲ 11.2%

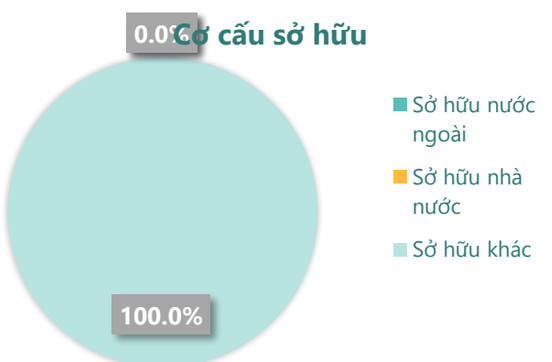
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,200 - 15,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	695
Số lượng CPLH (CP)	50,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	536,960
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.27
EPS	225
P/E	61.7

DT thuần
2025
6,381
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 852| 15.4%

LN thuần
2025
3.82
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 52.7| 108%

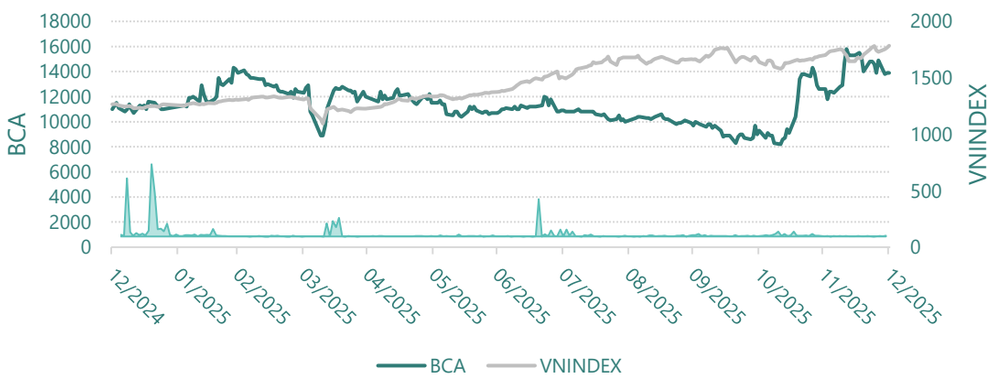
LN sau thuế
2025
11.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 61.4| 122%

Cơ cấu sở hữu

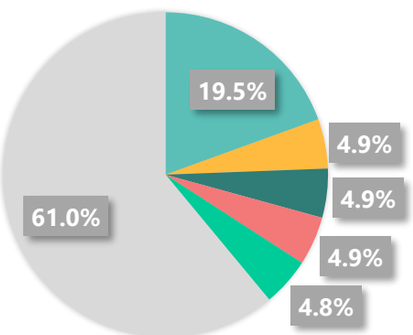


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

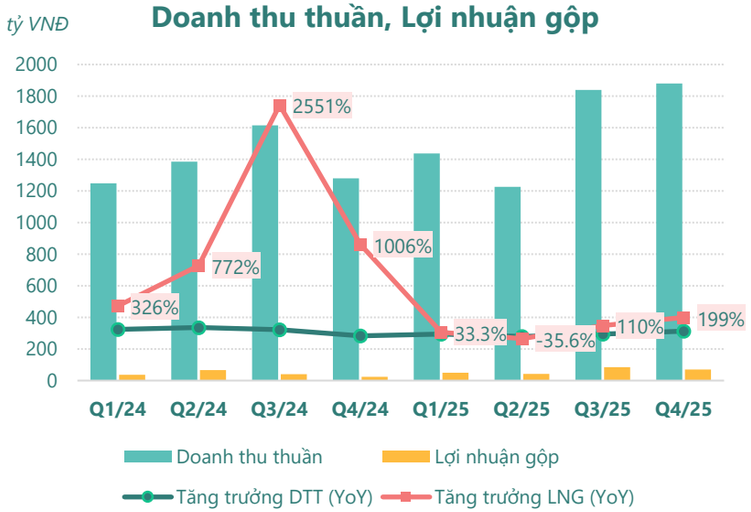


CTCP Thương mại Thái Hưng
Trần Nguyên Hưng
Nguyễn Thị Lan Hương
Nguyễn Văn Thắng
Trương Thùy Giao
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

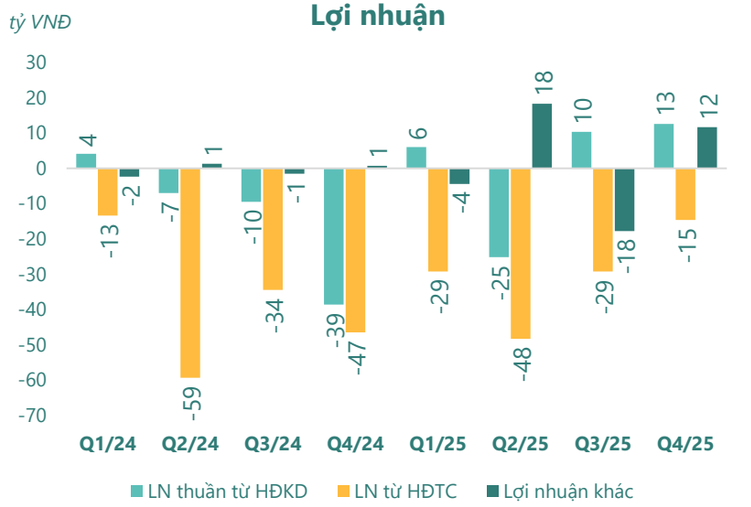
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



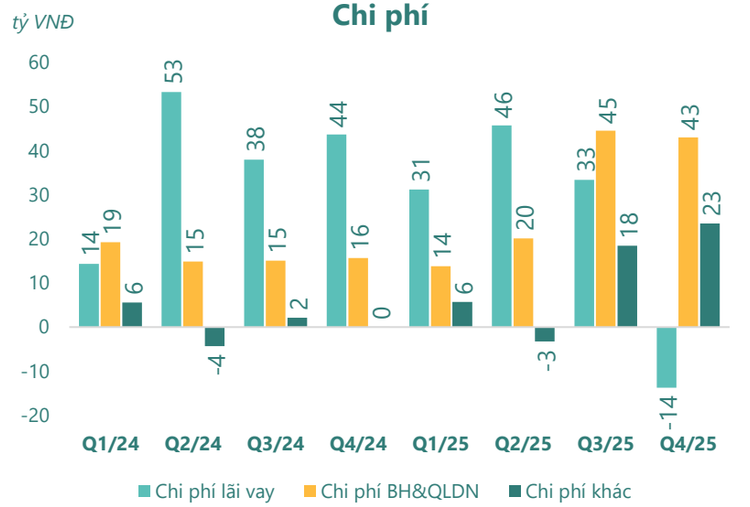
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



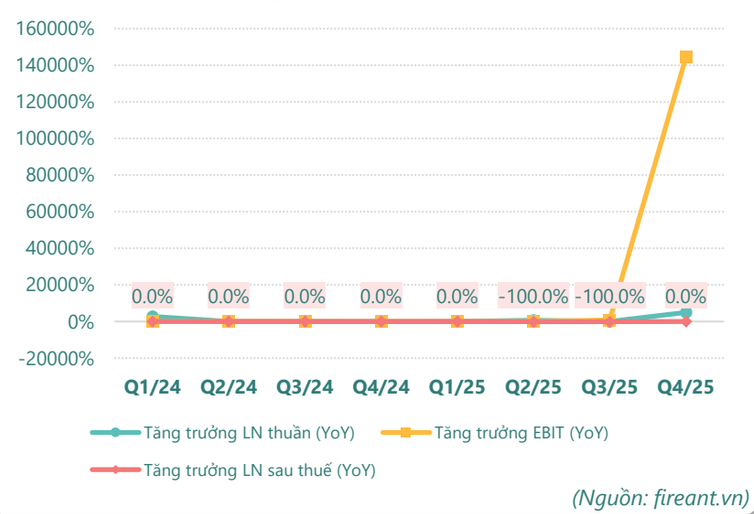
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



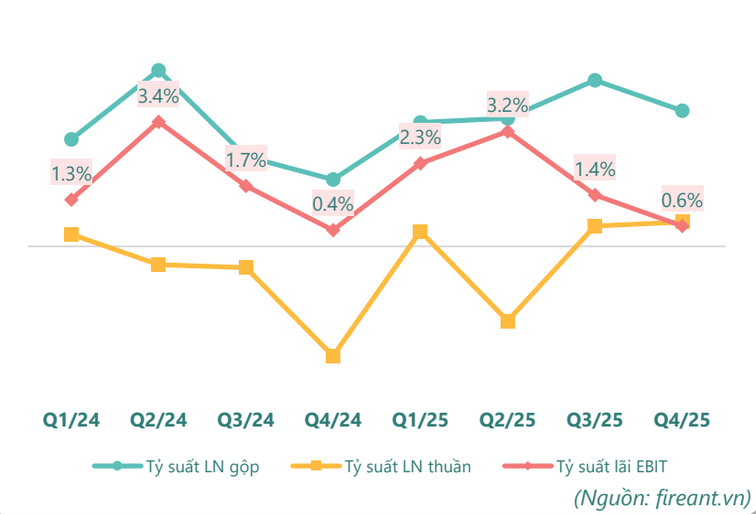
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



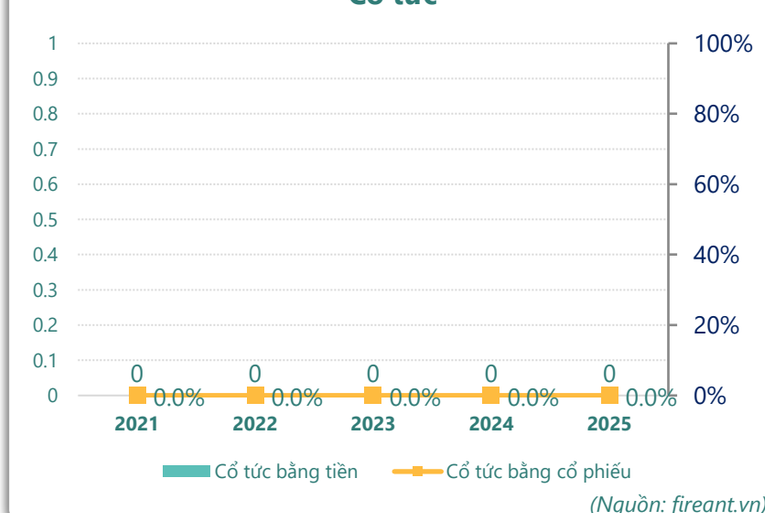
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

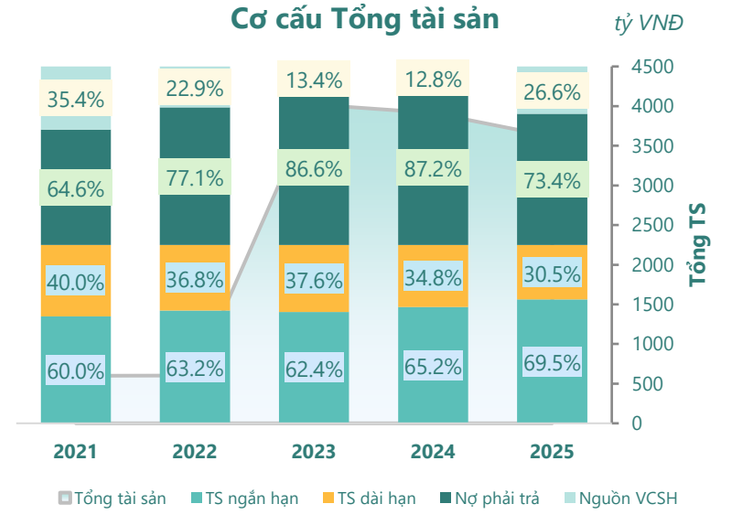
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

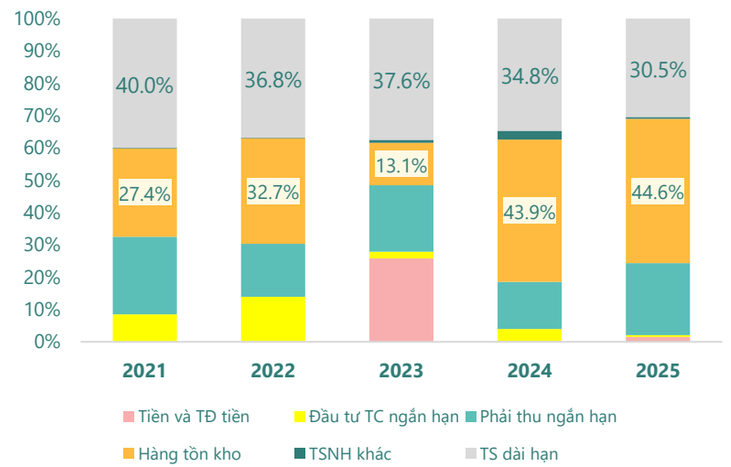
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



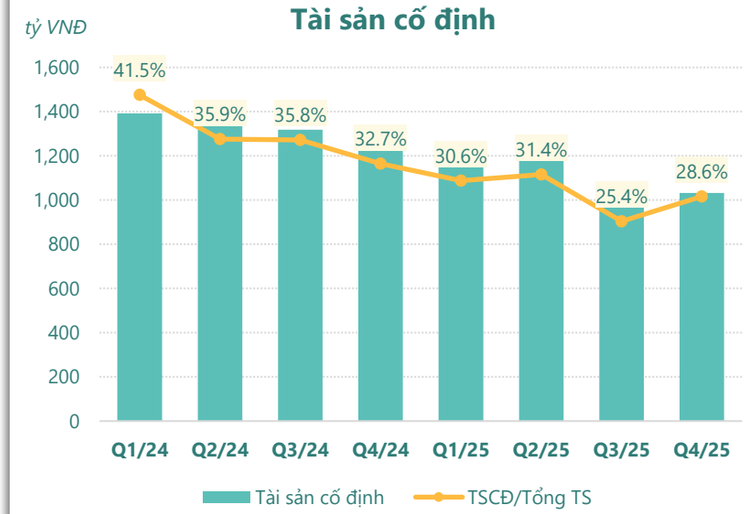
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



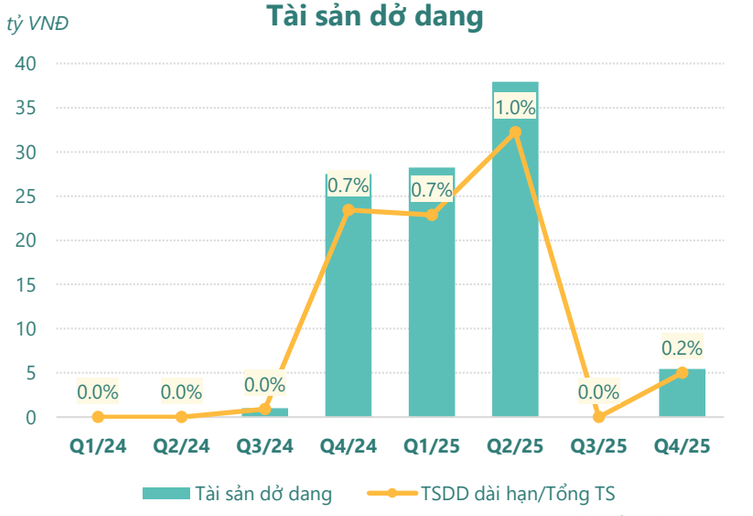
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



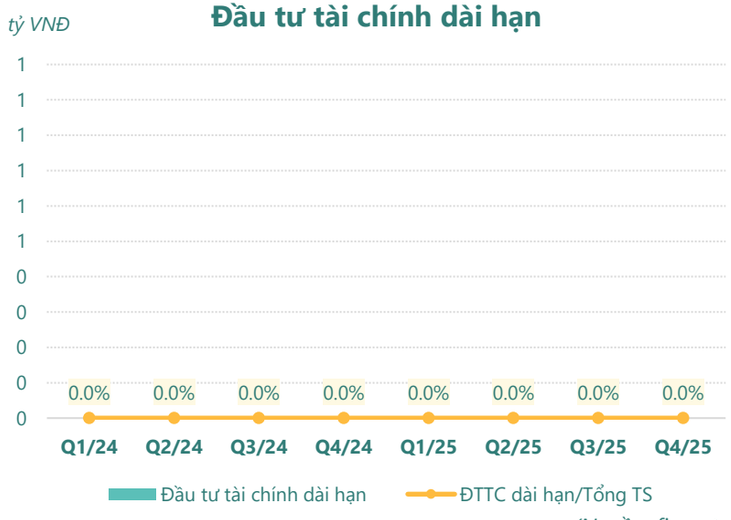
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



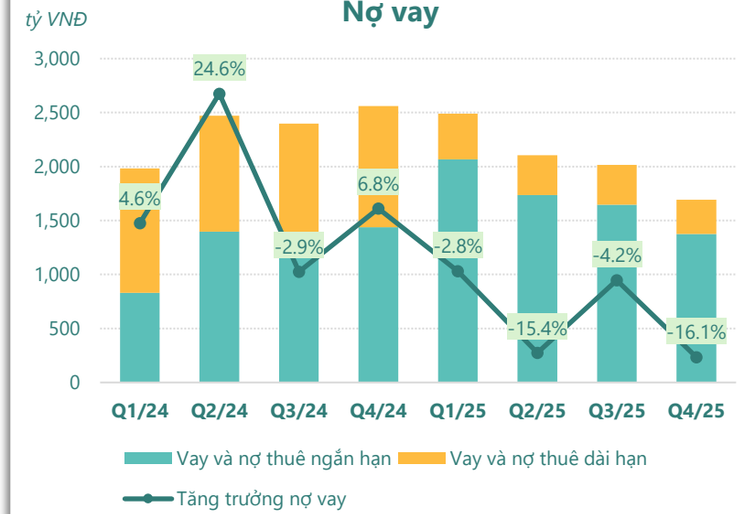
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

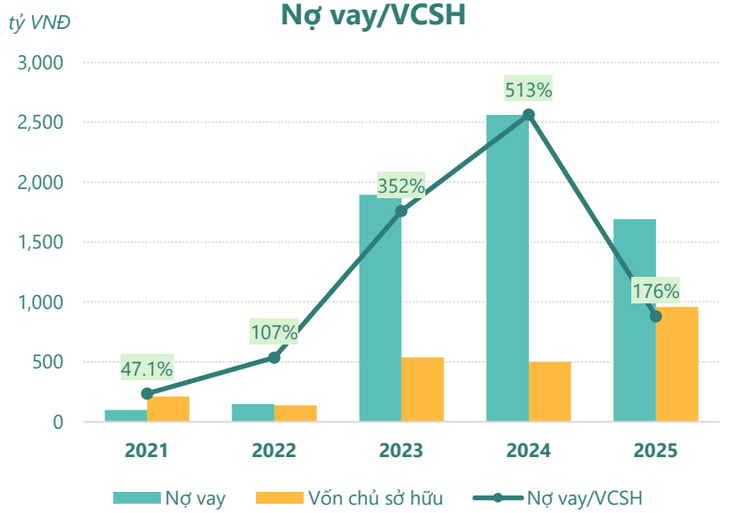
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



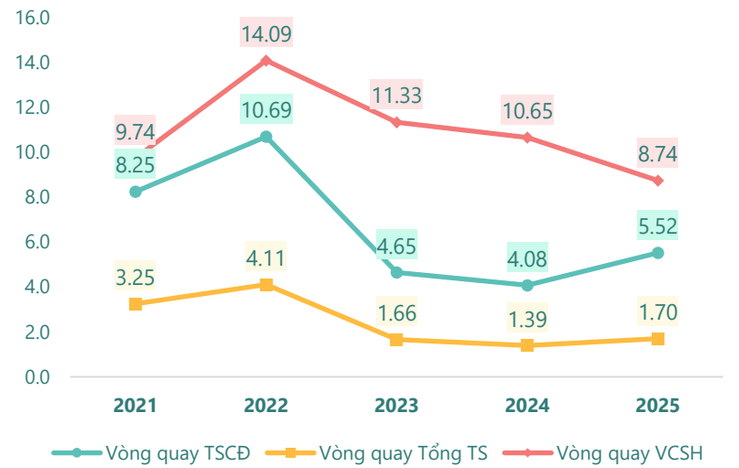
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



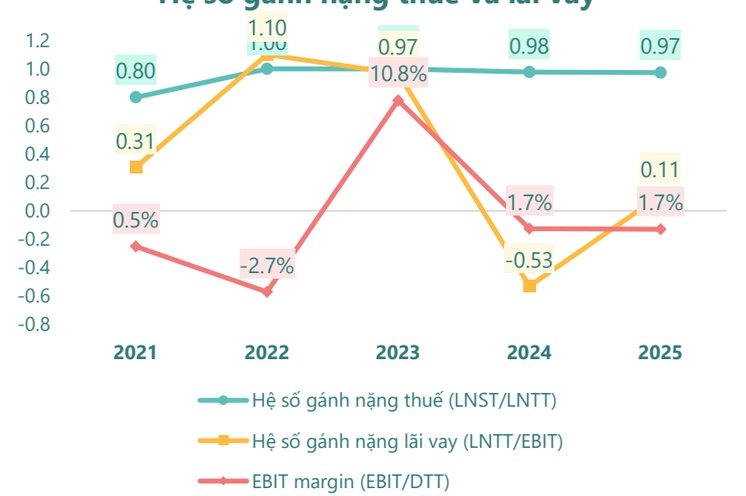
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



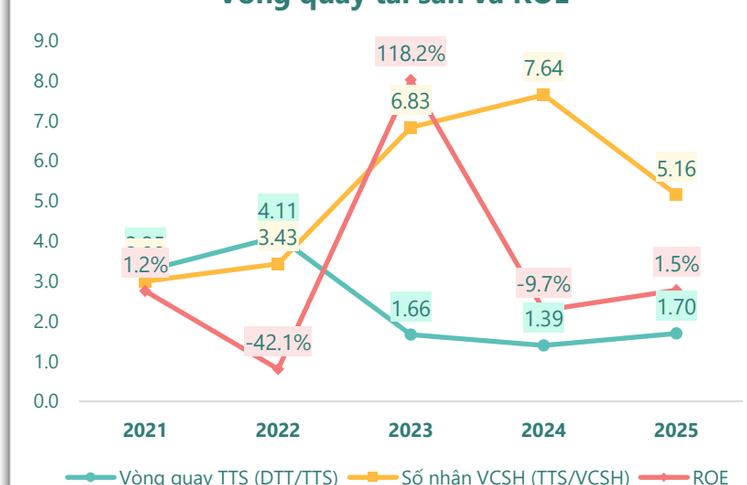
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



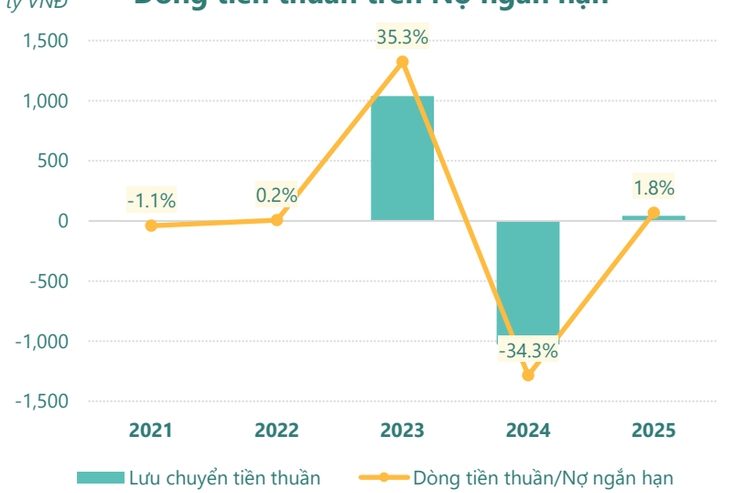
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,879**	**1,279**	**46.9%**	**6,381**	**5,529**	**15.4%**
Giá vốn hàng bán	1,809	1,256	44.0%	6,135	5,359	14.5%
Lợi nhuận gộp	70.3	23.5	199%	247	170	45.3%
Doanh thu HĐTC	18.7	3.30	467%	26.0	8.33	212%
Chi phí TC	33.4	49.8	-33.0%	147	162	-9.0%
Chi phí lãi vay	-13.7	43.7	-131%	96.6	148	-34.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.70	0.96	182%	14.9	3.35	345%
Chi phí QLDN	**40.3**	**14.7**	**174%**	**107**	**61.5**	**73.2%**
LN thuần từ HĐKD	12.6	-38.6	133%	3.82	-48.9	108%
Lợi nhuận khác	**11.7**	**0.68**	**1615%**	**7.75**	**-2.40**	**423%**
LN trước thuế	24.3	-38.0	164%	11.6	-51.3	123%
Lợi nhuận sau thuế	**23.3**	**-38.0**	**161%**	**11.3**	**-50.1**	**122%**
LNST của CĐ cty mẹ	**23.3**	**-38.0**	**161%**	**11.3**	**-50.1**	**122%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-67.4	-165	74.9	67.4	104	111
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	103	-6.71	32.1	-149	20.2	204
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-71.9	164	-72.7	65.2	-90.5	-324
Tiền đầu kỳ	55.9	19.4	11.9	46.1	29.7	63.0
Lưu chuyển tiền thuần	**-36.4**	**-8.15**	**34.2**	**-16.4**	**33.2**	**-8.80**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.08	0.08	0	-0.03	0.01	0.01
Tiền cuối kỳ	19.4	11.3	46.1	29.7	63.0	54.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,613**	**3,915**	**-7.7%**
Tài sản ngắn hạn	2,511	2,554	-1.7%
Tiền và tương đương tiền	54.2	11.9	355%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.8	143	-85.5%
Phải thu ngắn hạn	806	573	40.5%
Hàng tồn kho	1,613	1,720	-6.3%
Tài sản ngắn hạn khác	17.4	105	-83.5%
Tài sản dài hạn	**1,103**	**1,362**	**-19.0%**
Phải thu dài hạn	22.5	22.5	0.0%
Tài sản cố định	1,032	1,282	-19.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.44	27.5	-80.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**42.5**	**29.8**	**42.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,653	3,416	-22.3%
Nợ ngắn hạn	**2,336**	**2,995**	**-22.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,375	2,141	-35.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	935	779	20.0%
Nợ dài hạn	317	421	-24.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	317	421	-24.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**960**	**500**	**92.2%**
Vốn chủ sở hữu	**960**	**500**	**92.2%**
Vốn điều lệ	500	190	163%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)